

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 23/11/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 6

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Hôm nay bắt đầu giảng kinh văn Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

Mời xem Phẩm thứ nhất:

PHÁP HỘI THÁNH CHÚNG ĐỆ NHẤT

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương-xá thành, Kỳ-xà-quật sơn trung, dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp, tôn giả A-nan đấng, nhi vi thượng thủ.

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, cùng với một vạn hai ngàn vị đại tỳ-kheo. Hết thấy đều là bậc đại thánh, đã đạt thần thông. Tên các ngài là: Tôn giả Kiều-trần-như, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-nan v.v... là những bậc thượng thủ.

“Như thị ngã văn”: “tôi nghe như vậy” là câu đặt ở đầu kinh trong hết thấy kinh điển nhà Phật. Câu này có nguồn gốc như thế nào? Dùng một câu để nói, đó là tuân theo “di giáo của Thế Tôn”. Cụ thể một chút đó là lúc Thế Tôn sắp nhập Bát Niết-bàn, ngài A-nan đã thỉnh giáo Phật bốn việc, trong đó có một vấn đề là “mở đầu hết thấy các kinh nên đặt chữ nào?” Phật liền đáp rằng: “Nên để như thị ngã văn”. Hiện nay hết thấy kinh điển nhà Phật, đầu kinh đều dùng câu “như thị ngã văn”, đây là tuân theo di giáo của Phật, không phải do ai đó phát minh sáng tạo ra.

Hai chữ “như thị” hàm nghĩa sâu rộng, chúng ta không cách nào tưởng tượng được, hai chữ này hiện thị cảnh giới trên quả địa Như Lai, chính là thật tướng của

các pháp được nhắc đến trong kinh Bát-nhã. Đức Phật vì hết thấy chúng sanh mà tuyên thuyết vô lượng vô biên kinh luận và pháp môn, cũng là vì nói rõ cho chúng sanh biết tướng chân thật của hết thấy các pháp, hay nói cách khác chính là nói “như thị”. “Như thị” không chỉ đại biểu cho hết thấy những điều mà Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết trong 49 năm, trong hơn 300 pháp hội, mà thậm chí còn đại biểu cho những điều mà vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới tuyên thuyết cho hết thấy chúng sanh, cũng không ngoài hai chữ “như thị” này.

Theo Quán Kinh giải thích thì hai chữ “như thị” là: “Như” là tâm này là Phật; “Thị” chính là tâm này làm Phật. Đây là lý luận của Quán Kinh. Chúng ta nghe rồi liệu có thể hiểu và thể hội được nghĩa thú chân thật của câu này mà Phật đã giảng trong kinh hay không? Số người không biết quá nhiều. Phật pháp là viên dung, rất sống động, thế nhưng có rất nhiều người học Phật lại học một cách chết cứng, không những không có được niềm vui của việc học Phật, mà còn học đến nỗi phiền não rất nhiều, khổ không thể tả, rồi sau đó hủy báng Phật, hủy báng pháp, hủy báng tăng, tạo tội nghiệt cực lớn.

Tôi nhớ mấy năm trước, hình như đọc được từ trong số sách kết duyên, người học Phật có một trăm điều, điều đầu tiên là người học Phật bị đọa địa ngục. Tôi nghĩ mãi mà không hiểu, tại sao lại như vậy? Hai mươi năm nghe kinh nghe pháp đã tiêu trừ nghi hoặc này của tôi. Câu này nói không sai chút nào. Tại sao vậy? Bạn nói xem những người niệm Phật chính mình học Phật chưa rõ ràng, lại đi hủy báng Phật, hủy báng pháp, hủy báng tăng, họ không đọa địa ngục thì đi đâu? Họ tạo tội đọa địa ngục mà.

Tôi vừa nói, rất nhiều đồng tu học Phật quá chấp chặt, quá chết cứng, dùng lời hiện nay mà nói tức là chủ nghĩa giáo điều. Tôi nêu ra ví dụ thế này, khi này chúng ta vừa nói “tâm này là Phật”, bốn chữ này có bao nhiêu người học hiểu được? Người chưa học hiểu được thì sẽ thế nghĩ này: Tâm này là Phật, ngoại trừ là Phật ra thì những điều khác đều không phải; người học hiểu được thì sẽ nghĩ thế này: Tâm này là Phật, tâm này là Bồ-tát, tâm này là La-hán, tâm này là địa ngục, tâm này là ngạ quỷ, tâm này là súc sanh, tâm này là vạn pháp, tâm này là vạn vật, tâm này là pháp giới, tâm này là... vô lượng vô biên, nói không hết. Bạn tỉ mỉ nghĩ xem, có điều nào không phải? Tìm không ra điều nào không phải. “Tâm này là Phật”

mà bộ kinh Vô Lượng Thọ này nói tức là “tâm này là thế giới Cực Lạc”; “tâm này làm Phật” tức là “tâm này làm thế giới Cực Lạc”.

“Nhu thị” là tín thành tựu.

Tín thành tựu xếp ở vị trí đầu tiên trong sáu thứ thành tựu. Người Trung Quốc trọng tín, trong “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” của ngũ thường thì tín đức là nền tảng. Có tín mới có trí tuệ, có trí tuệ mới có lễ phép, có lễ phép mới hiểu chánh nghĩa, có chánh nghĩa mới có từ bi, mới có thể thương mình thương người, tức là tâm nhân từ. Điều này cũng giống như xây tòa nhà năm tầng, tín là tầng đầu tiên, là nền tảng, không có tín thì nhân, nghĩa, lễ, trí đều không có. Bạn nói xem chữ tín này quan trọng biết bao. Tổ sư đại đức kết hợp ngũ giới với ngũ thường, thật là tuyệt diệu! Đây là giới căn bản trong nhà Phật. Lấy không sát sanh kết hợp với nhân, không trộm cắp kết hợp với nghĩa, không tà dâm là lễ, không uống rượu là trí, không nói dối là tín.

Tu hành phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ không nói dối. Một đời này có thể không lừa gạt người khác, không nói dối, người này là người có đức hạnh, là thiện nam tử, thiện nữ nhân trong nhà Phật nói đến. Họ có tu hành thì có thể chứng quả. Tại sao vậy? Họ có thành tín, chữ tín này quan trọng.

Trí Độ Luận nói “Phật pháp như biển cả, có tin thì vào được”, Phật pháp rộng lớn vô biên, đem ví với biển cả, ai có thể vào được? Người có tin thì mới có thể vào, nếu hoài nghi thì chắc chắn không thể vào. Đây là nguyên nhân căn bản khiến việc truyền thừa Phật pháp gặp khó khăn, việc truyền thừa giáo học thánh hiền bị khó khăn trong thời đại này. Ai có thể truyền thừa? Người có đầy đủ thành tín mới có thể truyền thừa. Lão pháp sư nói rằng: “Những người thành tín này, tôi tin rằng đều là người tái lai, chư Phật Bồ-tát, đại thánh đại hiền tới thế gian này cứu khổ cứu nạn, các ngài quay lại cõi người để làm gì? Để truyền thừa pháp của thánh hiền, truyền thừa pháp của chư Phật”. Tại sao các ngài có thể truyền? Bởi vì các ngài có thành tín. Thành tín là từ trong chân tâm lưu xuất ra; những thứ mà vọng tâm lưu xuất ra là hư vọng, là vọng ngữ. Chúng ta nhìn người thì phải nhìn từ chỗ này, biết được người nào sẽ có thành tựu, người nào rất khó thành tựu.

Kinh Hoa Nghiêm nói “*tín là tay, như người có tay, đến nơi trần bảo, tùy ý nhặt lấy*”, ý muốn nói người người đến núi báu, bạn có tay thì bạn có thể lấy được, nếu như không có tay thì không thu hoạch được gì. Cho dù trần bảo ở núi báu

có nhiều đến đâu, nếu bạn không có tay thì lấy không được. Dùng ví dụ này để so sánh thì có thể thấy “tín là cửa đầu tiên để nhập pháp, bỏ tín thì không cách nào nhập được”, pháp này là Phật pháp, cũng là văn hóa truyền thống Trung Quốc, pháp của thánh hiền xưa lưu lại. Cửa đầu tiên để nhập pháp chính là chữ tín này. Chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh, chữ tín này càng quan trọng. Lìa khỏi tín thì không có cách nào khế nhập.

Học trò thân cận thầy để cầu học, nếu như không có tín tâm đối với thầy, dù người thầy có đức hạnh, có học vấn đến đâu thì bạn cũng không học được gì. Đức Phật là vị thầy căn bản của chúng ta, nếu chúng ta không tin tưởng lời của thầy mình thì làm sao có thành tựu cho được? Cho nên trong Phật pháp, tín là điều kiện đầu tiên, bạn phải tin Phật, từng câu mà Phật nói đều là chân thật, phải tin sâu không nghi.

Thời buổi loạn lạc hiện nay đã loạn tới mức trước nay chưa từng có, cả thế giới giống như kho thuốc nổ vậy, con người đã tới giây phút nguy cấp của sự sống và cái chết, nhân loại sẽ đi về đâu? Ai đến cứu vớt loài người? Vận mệnh nằm trong tay chính mình, chỉ có loài người mới có thể cứu lấy chính mình.

Xã hội hiện nay, chữ tín quan trọng hơn bất cứ thứ gì, không chỉ Trung Quốc cần mà cả thế giới đều cần. Nguyên nhân khiến xã hội này động loạn là gì? Là do đánh mất tín, đa phần đánh mất rồi. Rất nhiều lãnh đạo đất nước, chuyên gia học giả, tầng lớp trí thức đều đánh mất chữ tín này. Đánh mất tự tin, đánh mất niềm tin vào cha mẹ, đánh mất niềm tin vào thầy cô, không có niềm tin đối với truyền thống, dân tộc, thánh hiền xưa, tôn giáo. Lòng người không có nơi nương vè, lo sợ không yên, mờ mịt không biết gì, đó là căn nguyên khiến thế giới động loạn.

Làm thế nào để tìm về cái gốc? Phải tìm lại tín tâm. Bắt đầu từ chỗ nào? Yếu tố đầu tiên của tín tâm là yêu thương chính mình. Con người hiện nay không yêu thương chính mình, chỉ có yêu thương chính mình mới có thể yêu thương người khác. Một người không yêu thương chính mình thì họ làm sao yêu thương người khác được? Trong thời đại hưởng thụ vật chất tràn lan này, rất nhiều người bị ngấm dần ở trong biển hưởng thụ vật chất. Giá trị quan cuộc đời hoàn toàn điên đảo. Chúng ta phải đảo ngược giá trị quan cuộc đời này lại, khiến nó trở về đúng vị trí. Dùng phương pháp gì khiến nó quay về đúng chỗ? Dùng phương pháp giáo dục của Phật

giáo, dùng phương pháp giáo dục của văn hóa truyền thống, hai loại giáo dục này là một chứ không phải hai.

Chúng ta xem đại đức xưa giải thích hai chữ “như thị” này như thế nào. Trong “Di-đà Kinh Yêu Giải” đại sư Ngẫu Ích nói thế này: “*Nương theo lý thật tướng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nhất định chẳng sai, nên gọi là thị*”. Đại sư nói rằng “nương theo lý thật tướng”, đồng tu sơ học nghe không hiểu lắm, không biết câu này có ý nghĩa gì? Nói thông thường thì “thật tướng” chính là chân tướng sự thật, cũng chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh mà chúng ta thường nói. Kinh điển Phật giáo chính là nói về chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

“Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nhất định chẳng sai nên gọi là thị”. Chẳng sai tức là chắc chắn không có sai, hoàn toàn có thể tin tưởng được. “Lý” là lý do, có nghĩa là lý luận căn cứ, lý luận căn cứ trong kinh Phật có thể được xưng là “diệu lý”. Chúng ta vẫn phải nói đến diệu lý này, thật tướng diệu lý. Diệu trong thật tướng diệu lý, diệu ở chỗ nào? Diệu ở chỗ xưa nay chẳng đổi, không có không gian, cũng không có thời gian, ba ngàn năm trước ở ngay lúc này, ba ngàn năm sau cũng ngay lúc này. Hay nói cách khác, tức là không có khoảng cách, không có bốn phương, bốn chiều, trên dưới; không có thời gian, không có quá khứ, hiện tại, tương lai, đây gọi là “như”. Như lý mà nói, đem chân tướng nói ra, không nói sai, đây gọi là “thị”.

Nếu như chúng ta có thể nghe hiểu đạo lý mà đức Phật đã nói thì bạn sẽ biết được trong vũ trụ này, hết thảy vạn sự vạn vật đang biến hóa trong từng sát-na, không có thứ nào mà bạn có thể đạt được, bao gồm cả thân thể, bạn sẽ biết được nên dùng thái độ gì đối với cuộc sống? Hết thảy đều thuận theo tự nhiên, như vậy là hoàn toàn đúng. Tâm thuận theo tự nhiên là chân tâm. Tâm thuận theo tự nhiên thì không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, hết thảy đều thuận theo tự nhiên. Có một niệm phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm thì không tự nhiên. Tự nhiên rất tốt, tự nhiên tương ứng với “như thị”, không tự nhiên thì không tương ứng với “như thị”. Cho nên, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nhất định chẳng sai, bạn tuân theo câu nói này đầy đủ viên mãn thì ngay lúc đó bạn liền tương ứng với “như thị”.

Thật tướng diệu lý là gì? Chính là một niệm tâm tự tánh, chính là bản thể, bản tánh, chính là bản tánh chân như mà chúng ta nói đến. Cách nói tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa tương đồng. Tự tánh này là thật, có thể sanh có thể hiện. Hiện ra điều gì?

Hiện ra toàn bộ vũ trụ. Toàn bộ vũ trụ chính là từ một niệm tâm tự tánh mà hiện ra, chính là câu mà đại sư Lục Tổ Huệ Năng nói khi ngài khai ngộ: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”, đây là một niệm tâm có thể sanh. Trong thuật ngữ Phật pháp, toàn bộ vũ trụ được gọi là y chánh trang nghiêm của mười pháp giới, là từ một niệm tâm sanh ra, hiện ra; từ a-lại-da biến ra. A-lại-da là vọng tâm, chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vọng tâm biến nó thành mười pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi. Nếu như không có vọng tâm thì mười pháp giới, lục đạo đều không còn nữa, đó là giả, vậy thì cái còn lại là gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là từ một niệm tâm mà hiện ra. Mười pháp giới, lục đạo luân hồi, lại thêm a-lại-da, đều là từ một niệm vọng tâm mà biến ra. Vọng tâm đem chân tâm, nhất chân pháp giới biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi.

Có một vấn đề thế này muốn hỏi các bạn, có thể xem mười pháp giới, lục đạo là nhất chân pháp giới được không? Câu trả lời của tôi là có thể. Tại sao vậy? Buông xuống vọng tâm là được! Mười pháp giới hay là sáu cõi chỉ là hiện tượng mà vọng tâm khiến cho những gì chân tâm hiện ra bị sai lệch đi mà thôi. Xin nhớ kỹ, chân tâm sở hiện, vọng tâm sở biến. Một cái là hiện, một cái là biến, hiện là thật, biến là giả. Buông xuống vọng tâm thì chân tâm hiện ra, vốn chính là nhất chân pháp giới. Đạo lý đơn giản như vậy đó, xem bạn có hiểu hay không, có biết hay không.

Trong quyển Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có một ví dụ, có một người sắp vãng sanh, đức Phật đến tiếp dẫn người đó, người bên cạnh người đó hỏi, thế giới Cực Lạc ở đâu? Người đó trả lời, ở bên cạnh, nói xong liền vãng sanh. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở trong nhà chính. Những lời này có nghĩa là gì? Nói cho chúng ta biết thế giới Cực Lạc chính tại ngay đây. Nhưng mà chúng ta nghe không hiểu, còn cho rằng người sắp chết nói lung tung. Cũng như màn hình tivi vậy, bấm nút đổi kênh là được, chính là như vậy. Lời tôi nói đều là lời thật, tin hay không tùy bạn. Tôi đã bấm nút chuyển kênh rồi, chuyển sang kênh của A-di-đà Phật, thật tuyệt diệu!

Nói này giờ nhiều như vậy, toàn bộ đều là nói hai chữ “như thị”, có đồng tu có thể không hiểu lắm, tại sao hai chữ mà lại nói nhiều như vậy? Để tôi giải thích cho mọi người một chút.

Thứ nhất, hai chữ này quan trọng. Hai chữ “như thị” bao hàm hết toàn bộ Phật pháp, hai chữ này là lý luận căn cứ của toàn bộ kinh văn. Hay nói cách khác, tức là bạn dựa vào điều gì mà nói như vậy? Phải khiến người khác tâm phục khẩu

phục. Điều mà bạn nói ra phải có lý luận, có căn cứ thì người khác mới phục được. “Nhu thị” là tín thành tựu của bộ kinh này, đó là trước tiên phải giải quyết vấn đề của tín. Hiểu rõ đạo lý rồi, tin tưởng hết thầy pháp mà đức Phật thuyết đều là căn cứ vào chân tướng sự thật mà thuyết. Không phải là vọng tưởng, lý tưởng, suy đoán, những gì mà ngài nói hoàn toàn là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Có thể tin!

Thứ hai, quan tâm đến nhu cầu của các đồng tu trình độ khác nhau. Đây là sự gợi ý từ lời nhắn của bạn đồng tu trên mạng. Tôi không nhớ chính xác câu đó như thế nào, đại khái là nói những chuyện trà dư tửu hậu không đủ đẳng cấp, nghe chưa thoả thích. Bạn ấy nói chuyên đề “xôi mưa pháp, giác ngộ tâm” lần này còn tạm được, có thứ bạn ấy muốn nghe. Bạn ấy hy vọng tôi có thể giảng nội dung có cấp độ cao hơn. Lời nhắn của bạn đồng tu này khiến tôi cảm động, từ sự tín nhiệm và mong cầu của bạn ấy dành cho tôi có thể nhìn ra được bạn ấy là người nghiêm túc cầu pháp. Đây là người tu hành số lượng không nhiều trong phần đông người học Phật. Tôi cảm ân sự tín nhiệm và khích lệ của bạn ấy, chân thành đánh lễ cảm ân, tùy hỷ công đức của bạn.

Quan tâm đến nhu cầu của đồng tu có trình độ khác nhau, nếu như nói làm đến mức hoàn hảo thì tôi làm không được, phải lời ngay nói thật. Nhưng mà tôi sẽ tận lực làm, tận lực làm tới mức độ nào? Xin mọi người đừng cười tôi, tôi nói đùa với mọi người, tôi sẽ đem toàn bộ sức mạnh ra. Đợi khi tôi vãng sanh các bạn sẽ nói: “Bà lão này cũng rất thực tế, biết điều gì đều nói hết cho chúng ta”. Nghe được lời này tôi cũng thỏa mãn mà cùng đấng Cha hiền trở về nhà rồi. Tôi ở nơi đó đợi mọi người, chúng ta gặp mặt ở Tây Phương Cực Lạc.

Thứ ba, dạy học có tính gợi mở thì hiệu quả tốt. Điều này tôi học được từ giáo viên dạy toán cấp hai của tôi. Có thể chia làm ba cấp bậc:

Cấp bậc thứ nhất: giáo viên dạy toán thông thường giải đề toán chỉ có một cách giải, học sinh chỉ biết đáp án này.

Cấp bậc thứ hai: giáo viên dạy toán cao minh hơn một chút giải đề toán có thể dạy hai ba cách giải, học sinh được mở mang tầm mắt, học được nhiều tri thức hơn.

Cấp bậc thứ ba: giáo viên dạy toán càng cao minh hơn sẽ dùng phương pháp dạy học có tính gợi mở, dẫn dắt học sinh cùng nhau tìm cách giải, khích lệ học sinh

tích cực hơn, làm phong phú thêm kiến thức, có em còn suy một mà ra ba, thậm chí là ra bốn ra năm, hiệu quả dạy học vô cùng tốt, dạy và học cùng tiến bộ.

Lần này giải thích hai chữ “như thị”, tôi thử dùng phương pháp giải đề toán, từ nhiều góc độ, từ nhiều cấp bậc để giải thích. Đồng tu trình độ khác nhau đều có thể tìm được câu trả lời mà mình nghe hiểu rõ. “Như thị” đã giải thích xong. Tiếp theo tôi sẽ giải thích “ngã văn”.

“*Ngã văn*”, ngã văn là văn thành tựu.

Thích-ca Mâu-ni Phật lúc còn tại thế giảng kinh thuyết pháp 49 năm, không hề lưu lại trước tác nào cho đời sau. Vậy thì kinh điển của Phật từ đâu mà có? Là sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật diệt độ, đệ tử của Phật kết tập kinh điển. Cũng giống như Luận Ngữ, không phải do Khổng tử viết, mà là sau khi Khổng tử qua đời, học trò nhớ lại những điều thầy dạy bảo, ghi chép lại rồi truyền cho đời sau. Kinh Phật cũng là như vậy, là các đệ tử ghi chép lại rồi truyền cho đời sau. Nhưng mà kinh Phật có một điểm khác với Luận Ngữ, Luận Ngữ là do học trò khác nhau của Khổng tử ghi chép lại, kinh Phật là do tập thể các đệ tử Phật cùng nhau kết tập mà thành. Quá trình kết tập là phúc giảng một lượt hết thầy kinh điển mà năm đó Thích-ca Mâu-ni Phật đã nói khi còn tại thế, sau đó ghi chép thành kinh sách. Quá trình kết tập kinh Phật vô cùng nghiêm túc cẩn thận.

Thứ nhất là phúc giảng một lượt hết thầy kinh điển mà năm đó Thích-ca Mâu-ni Phật nói khi còn tại thế, sau đó ghi chép thành kinh sách. Đây là hình thức phúc giảng sớm nhất. Ai phúc giảng vậy? Là tôn giả A-nan. Tại sao vậy? Vì tôn giả A-nan có sức nhớ hơn người, giống như máy vi tính, máy thu âm thời đại hiện nay, ngài ấy nghe qua một lần thì không bao giờ quên, đây gọi là “nhớ kỹ không quên”. Cho nên các đồng học đều tiến cử tôn giả A-nan phúc giảng, tôn giả A-nan là người phúc giảng đầu tiên, và cũng là người phúc giảng sớm nhất trong lịch sử Phật giáo. Có thể nói, tôn giả A-nan là thủy tổ phúc giảng kinh Phật.

Thứ hai là năm trăm người tham dự vào công việc kết tập kinh điển, năm trăm người này đều chứng quả vị A-la-hán.

Thứ ba là chế độ một phiếu bác bỏ. Trong năm trăm người, chỉ cần có một người nêu ra sự hoài nghi về câu nói nào đó, cho rằng câu này tôn giả A-nan nói hình như Phật chưa từng nói qua, vậy thì câu này phải bị loại bỏ. Nhất định phải nhận

được sự đồng ý của năm trăm người này, toàn bộ phiếu thông qua thì mới được ghi chép lại, lưu thông cho đời sau.

“Ngã văn”, lúc ngài A-nan kết tập pháp tạng, tự nói “pháp môn như thế tôi nghe từ đức Phật”. Ngã là ngài A-nan tự xưng, văn là đích thân nghe, không phải nghe lại từ người khác. “Lấy điều ấy bảo với đại chúng thì thật đủ để chứng tín”. Câu này ý muốn nói với năm trăm vị A-la-hán tham dự kết tập kinh điển rằng những điều mà bộ kinh điển này nói đều là do tôi tự mình nghe Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên giảng. Giúp đại chúng sanh khởi tín tâm đối với những điều A-nan nói, đại chúng cũng có thể chứng minh cho A-nan.

“Ngã văn” biểu thị sự thừa. Những điều tôi nghe đều từ kim khẩu của đức Thế Tôn tuyên thuyết, là sự truyền thừa có đầu mối, nhất định chẳng phải do người khác nói ra, hoặc do tôi bịa đặt, dùng đây để chứng minh.

Liên quan đến bốn chữ “như thị ngã văn” tạm thời nói tới đây. Bốn chữ này mặc dù kinh điển nào cũng có, nhưng ý nghĩa có sâu cạn, rộng hẹp khác nhau. Bốn chữ này có vô lượng nghĩa, mười phương chư Phật Như Lai nói vô lượng kiếp cũng nói không hết. Để trong quá trình tu học của chúng ta có thể hiểu nhiều hơn một chút ý nghĩa thực sự của bốn chữ này, thì việc chúng ta hiểu được bao nhiêu tỷ lệ thuận với việc chúng ta buông xuống được bấy nhiêu. Buông xuống rất quan trọng! Không buông xuống được thì chúng ta vĩnh viễn là kẻ mù kẻ điếc, vĩnh viễn không thoát ra khỏi lục đạo luân hồi được.

Trong phần “như thị ngã văn” này tôi sẽ giải thích cho mọi người hai nghi vấn. Nghi vấn thứ nhất: ngày Thích-ca Mâu-ni Phật thành đạo thì ngài A-nan ra đời, hai mươi năm sau ngài A-nan mới làm thị giả cho đức Phật. Vậy thì trước khi ngài A-nan ra đời và trước khi ngài làm thị giả cho đức Phật, kinh mà Phật giảng ngài A-nan cũng chưa nghe qua, vậy thì ngài làm sao phúc giảng được?

Đối với vấn đề này, lúc tôi giao lưu với các bạn đã từng trả lời rồi, hôm nay không định nhắc lại nữa. Tôi muốn thay đổi góc độ, dùng phương pháp kể chuyện để gợi ý cho mọi người tự mình tìm ra câu trả lời. Tôi nghĩ nên dùng phương pháp gợi mở nhiều hơn, bớt nhồi nhét thì có thể hiệu quả sẽ tốt hơn. Tiếp theo tôi sẽ kể một câu chuyện có liên quan đến ngài A-nan:

Tôn giả A-nan là đa văn đệ nhất trong mười đại tỳ-kheo đệ tử của đức Phật. Vào thời đó tuổi của tôn giả A-nan nhỏ nhất trong tăng đoàn, tướng mạo vô cùng trang nghiêm, thông minh lại đa văn, đức Phật rất yêu mến A-nan. Đức Phật thường thuyết pháp cho A-nan, dạy A-nan phải có niềm tin kiên định đối với Tam bảo, nói với A-nan rằng: niềm tin bất hoại còn quan trọng hơn nghiêm trì giới luật. Có một lần ngài A-nan tuân theo chỉ thị của đức Phật, lễ bái A-di-đà Phật của thế giới Tây Phương Cực Lạc, từng thấy A-di-đà Phật rộng phóng từ quang, A-nan thật sự là người con cứng may mắn, ngài dễ dàng được Phật quang che chở hơn người khác.

Ngài A-nan là thị giả của đức Phật, ngài thường hầu hạ bên cạnh đức Phật, khi mọi người thỉnh ngài tới hầu hạ đức Phật, ngài đã từng nêu ra ba nguyện vọng, muốn tôn giả Mục-kiền-liên chuyển lời tới đức Phật. Ba nguyện vọng của ngài là:

Thứ nhất, y phục của đức Phật, cho dù là mới hay cũ ngài tuyệt đối không mặc.

Thứ hai, nếu như có tín chúng cung thỉnh đức Phật đến nhà cúng dường, ngài không thể đi theo hầu hạ.

Thứ ba, không gặp đức Phật khi không đúng lúc.

Tôn giả Mục-kiền-liên trình bày với đức Phật nguyện vọng của A-nan, đức Phật rất hoan hỷ tán thán rằng: “A-nan thật sự là một vị tỳ-kheo rất có phẩm chất, yêu cầu mà A-nan đưa ra đều là đề phòng sự quở trách, hiềm khích. Bởi vì, A-nan sợ rằng chúng tỳ-kheo phê bình A-nan là vì muốn mặc y phục nên mới hầu hạ Phật, A-nan biết đề phòng nên mới có yêu cầu như vậy. Khi tín chúng tới gặp Phật, Phật thuyết pháp tùy theo cơ duyên đã chín muồi hay chưa, A-nan đều biết được, ông ấy thực sự là một người thông minh, có đức hạnh tài năng.”

Sau khi A-nan làm thị giả cho đức Phật, ngài thường theo sau Phật đi khắp nơi hoằng pháp, vì nhân duyên như vậy mà Phật pháp tựa như biển cả toàn bộ đều chảy vào trong tâm của A-nan. Đức Phật ngày một lớn tuổi, có một hôm trên đường đi truyền giáo, đức Phật ngồi nghỉ dưới một gốc cây, sau đó nói với A-nan: “A-nan, vì cứu vớt huệ mạng của chúng sanh đang trầm luân trong biển khổ, nhà truyền giáo không nên chồi từ bất kỳ khổ cực nào. Ông và ta thường đi khắp nơi giáo hóa, ông đã dưỡng thành tín tâm, tuệ tâm, từ bi tâm. Bây giờ ta rất khát, muốn uống

ít nước, ông hãy lấy bình bát của ta đi tới dòng sông bên kia lấy ít nước về cho ta uống”.

Ngài A-nan đi tới bờ sông, một lát sau quay lại với bình bát trống rỗng, thưa với đức Phật rằng: “Thưa thầy! Con tới dòng sông bên kia thì thấy nước sông đục ngầu, con nghe người ta nói, hôm nay có rất nhiều xe ngựa ở thượng lưu chạy qua cho nên nước sông dùng để rửa chân thì được nhưng tuyệt đối không thể uống. Sông Câu Tôn cách đây cũng không xa, đến nơi đó uống nước rồi tắm rửa cũng được”. Đức Phật tiếp tục uy nghiêm dặn dò: “A-nan! Lấy nước tới đây! Không phải lo, ông cứ mang nước đó tới đây!” A-nan không còn cách nào khác, chỉ đành đi lấy nước. Thật không thể nghĩ bàn, nước sông lúc này trong vắt như gương soi vậy. A-nan vừa nhìn thấy rất vui mừng, ngài thực sự cảm động bởi uy đức thần lực của đức Phật.

Có một hôm, chỉ trong một đêm mà A-nan mơ thấy bảy chuyện kỳ lạ. Trong lòng rất hoảng sợ, ngài đi tới trước chỗ ngồi của đức Phật, kể lại theo đúng những gì đã mơ: “Thưa thầy! Trong lòng con có chuyện nghi nan muốn thỉnh Phật khai thị. Đêm qua con nằm mơ, chúng ta vốn không để ý đến giấc mộng, nhưng mà đêm qua con mơ thấy bảy chuyện đều rất kỳ lạ, cho nên bây giờ con tới khẩn thỉnh Phật từ bi giải thích cho con. Bảy chuyện mà con mơ thấy như sau:

Thứ nhất, con mơ thấy sông lớn, biển cả đều bị lửa làm khô hạn.

Thứ hai, con mơ thấy mặt trời rơi rụng, thế giới Ta-bà là một mảng tối đen, con dùng hết sức đội đỉnh núi Tu-di.

Thứ ba, con mơ thấy tỳ-kheo không tuân giữ giới luật khoác áo cà-sa.

Thứ tư, con mơ thấy pháp y của tỳ-kheo không vẹn toàn, bị vướng mắc trong gai góc.

Thứ năm, con mơ thấy cây chiên-đàn lớn tươi xanh, có rất nhiều heo rừng tới bới rễ cây.

Thứ sáu, con mơ thấy voi con không tin vào lời voi lớn, dẫm đạp lên cỏ xanh, làm vẩn đục nước sông, voi lớn không còn cách nào, buộc lòng phải tránh đi xa, một mình đến nơi cỏ xanh nước trong. Voi con vô tri, đợi đến khi cỏ nước thiếu thốn, chết vì đói khát.

Thứ bảy, con mơ thấy vua của các loài thú là sư tử chết đi, các loài chim thú, côn trùng không dám đến gần ăn thịt, nhưng từ trong thân sư tử tự có dòi sanh ra, còn ăn thịt sư tử.

Bạch Phật! Đây đều là giấc mộng kỳ lạ, con thật sự không hiểu tại sao mình lại mơ giấc mộng kỳ lạ như vậy?

Đức Phật nghe xong bảy chuyện mà A-nan gặp trong mộng, dáng vẻ ngài rất ưu tư, vô cùng cảm khái nói rằng: “A-nan, cảnh mộng do tâm tạo, nhưng có lúc cảnh mộng đích thực là điềm báo về chuyện tốt xấu ở tương lai. Bảy chuyện mà ông gặp trong mộng sớm đã nằm trong dự đoán của ta, bây giờ ta sẽ giải thích từng chuyện cho ông:

Thứ nhất: ông mơ thấy sông lớn biển cả đều bị lửa làm khô cạn, chuyện này tượng trưng cho tỳ-kheo trong tăng đoàn tương lai làm trái lời Phật dạy, nhận sự cúng dường, tạo nên tranh đấu.

Thứ hai: ông mơ thấy mặt trời rơi rụng, thế giới Ta-bà là một mảng tối đen, ông dùng hết sức đội đỉnh núi Tu-di, điều này muốn nói 90 ngày nữa ta sẽ nhập Niết-bàn, tương lai sẽ do ông dẫn dắt đại chúng tỳ-kheo, chư thiên, người dân thọ nhận kinh giáo.

Thứ ba: ông mơ thấy các tỳ-kheo không tuân giữ giới luật khoác áo cà-sa, điều này muốn nói sau khi Phật nhập Niết-bàn, tương lai tỳ-kheo mở đại hội giảng kinh thuyết pháp, tuy trì pháp thâm sâu của Phật-đà, ngoài miệng tuyên giảng nhưng lại không làm theo.

Thứ tư: ông mơ thấy pháp y của tỳ-kheo không vẹn toàn, bị vướng mắc trong gai góc, đây là sau khi Phật nhập Niết-bàn, trong tương lai có rất nhiều tỳ-kheo không có pháp y, mặc y phục của người bình thường, phớt bỏ giới luật, vui với thói đời, nuôi dưỡng vợ con.

Thứ năm: ông mơ thấy cây chiên-đàn tươi xanh, có rất nhiều heo rừng tới bới rễ cây, đó là sau khi Phật nhập Niết-bàn, tương lai tỳ-kheo không phát tâm tuyên giảng chánh pháp của Phật nữa, chỉ lo toan tính cuộc sống của mình, buôn bán Như Lai, lấy Phật sự tụng kinh siêu độ làm việc chính.

Thứ sáu: ông mơ thấy voi con không tin vào lời voi lớn, dẫm đạp lên cỏ xanh, làm vẩn đục nước sông, sau cùng đói khát mà chết. Điều này muốn nói sau khi Phật

nhập Niết-bàn, tương lai trong tăng đoàn có tỳ-kheo trưởng lão trì giới, hiểu rõ kinh điển, chỉ dạy hàng hậu học trẻ tuổi, giảng nói tội phước như bóng theo hình, nhưng hàng hậu học trẻ tuổi không chịu tin tưởng làm theo, sau khi chết đọa vào địa ngục.

Thứ bảy: ông mơ thấy vua của các loài thú là sư tử chết đi, các loài chim thú, côn trùng không dám đến gần ăn thịt, nhưng từ trong thân sư tử tự có dòi sanh ra, còn ăn thịt sư tử. Điều này muốn nói lúc Phật còn tại thế rộng thuyết giảng rất nhiều kinh pháp. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, không có ngoại đạo nào có thể phá hoại chánh pháp của Phật, nhưng đệ tử xuất gia tại gia, bảy chúng đệ tử của ta lại tự mình phá hoại pháp của ta.

A-nan! Bảy chuyện ông gặp trong giấc mộng chính là điềm báo Phật giáo ở tương lai.”

Sau khi Phật nói xong, quang minh của Phật dường như đang âm ảm dần. Ngài A-nan đa văn, nghe đức Phật kể tiền đồ thánh giáo ở tương lai thì trong lòng đau buồn.

Sau đây tôi sẽ đơn giản giới thiệu với mọi người về bảy chúng đệ tử: Thứ nhất là tỳ-kheo; thứ hai là tỳ-kheo ni; thứ ba là sa-di; thứ tư là sa-di ni; thứ năm là thức-xoa-ma-na; thứ sáu là ưu-bà-tắc; thứ bảy là ưu-bà-di. Các bạn nghe xong câu chuyện này có cảm nhận gì không? Coi như giao bài tập cho các bạn, có thể nói ra một hai ba bốn năm cảm nhận được không? Các bạn thử xem. Đối với nghi vấn đầu tiên mà chúng ta đưa ra, bạn tìm được mấy câu trả lời trong những câu chuyện này? Có thể tham khảo những gì trước đây tôi từng giảng.

Nghi vấn thứ hai: Thánh nhân vô ngã, tại sao ngài A-nan lại tự xưng là ngã? Đối với vấn đề này, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có giải thích như sau: “Thánh nhân vô ngã mà sao A-nan lại tự xưng là ngã, vì chẳng hoại giả danh vậy! Thật tướng vô tướng nên chẳng giống như phàm phu có ngã. Thật tướng chẳng phải là không tướng nên chẳng giống vô ngã của Nhị thừa. A-nan thuận theo thế gian, giả gọi là ngã thì chẳng trái nghịch với đệ nhất nghĩa đế”. Quán Kinh Sớ nói: “Không ngã thì không ai nghe, không ai nghe thì sự giáo hóa sẽ đoạn tuyệt. Vì để truyền dạy, hóa độ chẳng tuyệt nên giả danh nói ngã”.

Đối với hai câu nói này phải hiểu như thế nào? Tôi sẽ cố gắng giảng đơn giản dễ hiểu một chút. Nửa đầu quyển kinh Kim Cang nói rằng: “Vô ngã tướng, vô nhân

tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, đây là những gì thánh nhân Tiểu thừa chứng đắc. Thánh nhân mặc dù chứng đắc vô ngã, nhưng nói chuyện với đại chúng, giao lưu với đại chúng phải xưng ngã thì người khác mới hiểu, nếu như không xưng ngã, người khác nghe không hiểu. Mọi người thử xem, nếu như bạn giao lưu với người khác, đem chữ ngã, tức là tôi bỏ đi, vậy thì không cách nào nói chuyện được. Chúng ta qua lại với chúng sanh, phải hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Bạn vẫn phải dùng tri kiến của phàm phu thì mới có thể qua lại với họ, nếu không thì bạn không thể độ hóa chúng sanh. Hay nói cách khác, nói “ngã” là nhu cầu để độ chúng sanh. Phải hòa quang đồng trần với chúng sanh, có chung tiếng nói thì mới có thể độ chúng sanh.

“Ngã” này là giả danh, mượn giả danh này dùng để làm gì? Phía trước, chúng ta trích dẫn bốn câu trong Quán Kinh Sớ: “Không ngã thì không ai nghe, không ai nghe thì sự giáo hóa sẽ đoạn tuyệt. Vì để truyền dạy, hóa độ chẳng đoạn tuyệt nên giả danh nói ngã”. Câu này nói rất rõ ràng, vì để truyền dạy hóa độ chẳng bị đoạn tuyệt nên giả danh nói ngã. Mượn giả danh này để truyền đạo, hóa độ chúng sanh. Dùng giả danh này, nhưng không được làm hỏng giả danh này. Tôi nói vậy có ý gì? Không được lấy giả làm thật, coi giả danh này là thật, vậy thì phiền phức rồi. Các bạn nghĩ mà xem, ví dụ trong cuộc sống của chúng ta rất nhiều, tùy tiện nêu ra cũng có một đống. Tham sân si mạn, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, nhân ngã thị phi, v.v... có điều nào lìa khỏi được “ngã”? Chúng ta xem “ngã” này thành thật. Vốn là mượn giả danh này dùng một chút, nhưng dùng không tốt, xem giả thành thật, rơi vào bẫy rồi, làm nô lệ cho giả danh này, không thể thoát ra được.

Làm thế nào vừa mượn giả danh này mà không làm hỏng giả danh này? Lão pháp sư dạy chúng ta: giả danh, giả tướng đều không phá hoại, đều có thể tùy thuận, mặc dù tùy thuận nhưng không được để ở trong tâm, không để ở trong tâm thì không có chướng ngại; để ở trong tâm thì bị ô nhiễm, tại sao vậy? Để ở trong tâm thì tâm động, tâm động thì không còn thanh tịnh nữa. Chuyện gì cần làm thì vẫn làm, làm xong rồi buông xuống, không quan tâm kết quả thế nào, tận tâm tận lực là viên mãn rồi. Như vậy mới thật sự không làm hỏng giả danh, không làm hỏng giả tướng.

Nhận thức của tôi đối với giả danh này là từ sự gợi ý của chồng tôi - Bồ-tát Lưu Minh Hoa. Ngày 19/05/2019, hai ngày trước khi chồng tôi vãng sanh, ông ấy nói với tôi mười hai câu, trong đó có hai câu là “đời này tới giúp bà, giả danh làm

vợ chồng”. Tôi không hiểu, không phục, nói lại ông ấy: “Ông nó à, ông có ý gì vậy? Chung sống với ông 53 năm, cuối cùng lại là giả danh vợ chồng, ông giải thích cho tôi xem, chuyện này là thế nào?” Ông ấy chậm rãi nhìn tôi, nheo con mắt bên phải, lại nheo con mắt bên trái, sau đó đôi tai động đậy, miệng trở ra. Tôi nói: “Đừng đổi sang đề tài khác, hãy trả lời vấn đề của tôi đi”. Ông ấy dùng tay chỉ ra ngoài cửa, ý muốn nói có người tới, đừng nói nữa.

Ông ấy không giải thích cho tôi nghe, lúc tôi soạn bài giảng thì câu trả lời xuất hiện. Chồng tôi nói không sai chút nào, là giả danh vợ chồng mà. Tỉ mỉ nghĩ lại, có Lưu Minh Hoa không? Không có, Lưu Minh Hoa là giả; có Lưu Tố Vân không? Không có, Lưu Tố Vân cũng là giả; có vợ chồng không? Không có, vợ chồng cũng là giả. Đều là giả danh, tạm thời dùng mà thôi.

Viết tới đây tôi nhớ đến một chuyện. Mười năm trước có một cô đồng tu tới tìm tôi, kể lể nỗi khổ trong lòng cô ấy, chồng cô ấy ngoại tình, tới hỏi tôi cô ấy phải làm sao? Tôi là người ăn nói vụng về, không biết khuyên người khác. Hôm đó không biết vì sao có linh cảm, tôi lại biết khuyên người khác. Mọi người có biết tôi khuyên thế nào không? Tôi nói như vậy: “Cô biết trượng phu nghĩa là gì không?” Cô ấy nói: “Trượng phu là chồng”. Tôi nói đó là cách xưng hô của người hiện nay, thời xưa gọi chồng là phu quân. Tôi nói hai chữ trượng phu giải thích như thế này: “trượng” là chiều dài, ở đây có nghĩa là cự ly; “phu” tức là phu quân; kết hợp lại có nghĩa là người chồng trong một trượng của bạn, ngoài một trượng ra muốn của ai là của người đó. Bên ngoài có người hầu hạ chồng cô, cô càng bớt việc, thời gian còn lại đều thuộc về cô, hãy lo niệm Phật cho tốt. Đây không phải là chuyện tốt sao? Cô phải cảm ơn chồng mình! Tương lai cô thành Phật cũng có một phần công lao của chồng mình đã giúp cô qua được cửa ải nhẫn nhục đó!

Cô bạn đồng tu nghe tôi giải thích xong há hốc miệng, sau đó cười nói: “Cô Lưu, cách giải thích của cô thật khác người. Lần đầu tiên tôi nghe từ trượng phu được giải thích như vậy”. Tôi nói tôi là người hiếm thấy, giải thích vấn đề cũng hiếm thấy.

Bạn đồng tu nào có cùng cảnh ngộ, nghe xong câu chuyện này có cảm nhận thế nào? Có nhận được sự gợi ý nào từ trong đó không? Có đồng tu gặp cảnh ngộ như vậy nhưng không vượt qua được, giày vò chính mình, đau khổ không muốn sống. Có người thì lại dùng cách quản thật chặt, xem điện thoại, canh chồng mình,

thật khờ dại biết bao. Bạn có thể trông chừng được mãi sao? Bạn có thể giữ được thân của chồng mình, nhưng có thể giữ được tâm của chồng mình không? Hướng hồ bạn cũng chưa chắc có thể giữ được thân của chồng mình. Có người khóc lóc, khổ sở van nài. Tôi cảm thấy không nên làm như vậy, bạn càng làm vậy, chồng bạn càng xem thường bạn. Bạn thấy có đúng không? Lần này nghe được giả danh giả tướng, nghe hiểu rồi, bạn sẽ biết phải làm thế nào. Xin tặng cho mọi người bốn câu:

*“Kiêu ngạo không được có,
Khí phách chẳng thể không,
Nếu người không khí phách,
Khó ngáng đầu trước người”.*

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!